

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động
Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 908-QĐ/HNDTW, ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân;

Căn cứ Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam;

Căn cứ Hướng dẫn số 1079-HD/HNDTW, ngày 18/11/2013 của Ban Thường vụ Hội Nông dân Việt Nam về một số vấn đề cụ thể thực hiện Thông tư số 69/2013/TT-BTC, ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi Hội nghị; Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2007/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị và chế độ chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Xét đề nghị của Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau,

BAN THƯỜNG VỤ HỘI NÔNG DÂN TỈNH

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay cho Quyết định số 109-QĐ/HNDT, ngày 26/12/2018 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

Điều 3. Văn phòng, Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VP.



Trần Thị Quyết

Cà Mau, ngày 08 tháng 6 năm 2020

QUY CHẾ

Quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38-QĐ/HNDT, ngày 8 tháng 6 năm 2020
của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Cà Mau)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân

1. Hỗ trợ, giúp đỡ hội viên nông dân xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế nhằm giảm nghèo bền vững và đô thị văn minh; nâng cao quy mô sản xuất và sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn; tạo việc làm, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp, khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng vùng để tạo ra các loại nông sản hàng hóa, dịch vụ đạt chất lượng, hiệu quả.

2. Tạo điều kiện để các cấp Hội Nông dân trong tỉnh đẩy mạnh hoạt động, tuyên truyền, tập hợp nông dân, thực hiện thắng lợi các chương trình phát triển kinh tế của Đảng, Nhà nước đối với phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống hội viên, nông dân và xây dựng tổ chức Hội các cấp trong tỉnh vững mạnh.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế này điều chỉnh các hoạt động quản lý tài chính đối với QHTND tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động quản lý tài chính

- Hoạt động QHTND không vì mục đích lợi nhuận, nhằm hỗ trợ và giúp đỡ hội viên nông dân phát triển sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.



- QHTND có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có bảng cân đối kế toán riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

- QHTND tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật; thực hiện bảo toàn và phát triển vốn; bù đắp chi phí và rủi ro trong hoạt động theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại quy chế này.

- Hoạt động quản lý vốn, tài sản, thu, chi tài chính của QHTND đặt dưới sự chỉ đạo, quản lý của Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp và Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

Chương II

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN VỐN

Điều 4. Về nguồn vốn hoạt động

1. Nguồn vốn hoạt động của QHTND:

- Vốn do ngân sách Nhà nước cấp; vận động cán bộ, hội viên nông dân, công nhân viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong lực lượng vũ trang, các hộ phi nông nghiệp, các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ, hoặc cho mượn không lãi.

- Vốn ủy thác của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; vốn tiếp nhận từ các nguồn tài trợ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước để phát triển nông nghiệp, nông thôn; vốn tự bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm.

2. Quỹ không được huy động vốn và vay vốn dưới hình thức tiền gửi tiết kiệm, phát hành giấy tờ có giá hoặc vay vốn của các tổ chức, cá nhân như hoạt động của các tổ chức tín dụng.

3. Vận động tạo nguồn vốn

Ban Thường vụ Hội Nông dân các cấp có trách nhiệm đề xuất với cấp ủy, chính quyền cùng cấp và tổ chức các hình thức vận động xây dựng Quỹ hỗ trợ nông dân phát triển theo hàng năm.

Điều 5. Sử dụng nguồn vốn

- Nguồn vốn hoạt động QHTND được sử dụng hỗ trợ, giúp đỡ hội viên nông dân xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế; nâng cao quy mô sản xuất, phát triển ngành nghề; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế tập thể ở nông thôn... tạo ra các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đạt chất lượng hiệu quả cao.

- Vốn hỗ trợ, giúp đỡ hội viên nông dân được thực hiện dưới hình thức cho vay có hoàn trả vốn (có hạn mức, có kỳ hạn), không thu lãi mà chỉ thu phí.

- Quỹ Hỗ trợ nông dân có trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, thu hồi kịp thời đầy đủ các khoản vốn cho vay trợ giúp nông dân để bảo toàn vốn và hoàn trả đầy đủ, kịp thời cho các tổ chức, cá nhân tài trợ vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Quỹ Hỗ trợ nông dân không được sử dụng nguồn vốn hoạt động để thực hiện các mục đích kinh doanh tiền tệ, đầu tư chứng khoán, kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh khác.

- Đối tượng vay vốn, lĩnh vực cho vay, điều kiện cho vay, nguyên tắc cho vay, mức phí cho vay, mức cho vay, loại cho vay và thời hạn cho vay thực hiện theo Quyết định số 908-QĐ/HNDTW, ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân và theo Hướng dẫn số 82-HD/QHTTW, ngày 22/12/2014 của Ban Điều hành QHTND Trung ương về nghiệp vụ cho vay vốn Quỹ hỗ trợ nông dân.

Điều 6. Thu phí

- QHTND thực hiện thu phí trên số vốn cho vay trợ giúp nông dân để trang trải các khoản chi phí cần thiết cho hoạt động của QHTND.

- Mức thu phí cho vay thống nhất theo quy định của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam từng thời điểm. Riêng nguồn ngân sách địa phương nếu có quy định khác thì do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh có quy định cụ thể.

- Phí quá hạn được tính bằng 130% phí khi cho vay.

Điều 7. Đầu tư, mua sắm tài sản của QHTND

- QHTND được đầu tư, mua sắm tài sản cố định và các tài sản khác phục vụ cho hoạt động của QHTND. Việc đầu tư, mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của QHTND theo kế hoạch được Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt trong phạm vi nguồn vốn Quỹ đầu tư phát triển.

- Trình tự thủ tục xây dựng, mua sắm và sửa chữa tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng.

- QHTND thực hiện việc quản lý, sử dụng, trích khấu hao, kiểm kê, đánh giá lại, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro

- QHTND được trích lập Quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp tổn thất do nguyên nhân khách quan bất khả kháng phát sinh trong quá trình cho vay như thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn), hỏa hoạn, dịch bệnh và các nguyên nhân bất khả kháng khác.

- Mức trích lập Quỹ dự phòng rủi ro được tính bằng 0,9%/năm trên số dư nợ tại thời điểm 31/12 hàng năm.

D.Á
B.C
HỘI NÔNG
T. CÀ
H

[Signature]

- Quỹ dự phòng rủi ro được sử dụng để bù đắp những khoản tổn thất cho vay do nguyên nhân khách quan bất khả kháng. Cuối năm, nếu không sử dụng hết thì số dư của Quỹ được chuyển sang năm sau.

Điều 9. Nguồn thu nhập của QHTND

- Thu phí cho vay trợ giúp hội viên nông dân phát triển sản xuất.
- Thu phí dịch vụ nhận ủy thác theo hợp đồng ủy thác thuộc nguồn vốn QHTND Trung ương trích để lại theo tỷ lệ quy định (0,125%/tháng; 1,5%/năm) trên tổng dư nợ hiện có theo Quyết định số 1201-QĐ/HNDTW ngày 31/12/2013 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.
- Thu lãi tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc nơi QHTND mở tài khoản.
- Thu từ hoạt động khác, các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho hoạt động QHTND theo quy định của pháp luật.
- QHTND có trách nhiệm thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu.

Điều 10. Chi phí hoạt động QHTND (các nội dung chi hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân thực hiện đúng Thông tư 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài Chính)

1. Chi phí cho hoạt động nghiệp vụ:
 - Chi phí cho khoản vốn vận động, tiếp nhận tài trợ từ các tổ chức; cá nhân trong và ngoài tỉnh (nếu có).
 - Chi trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng theo qui định (trừ nguồn vốn nhận ủy thác Trung ương).
 - Chi hợp đồng lao động (nếu có).
 - Chi phí nghiệp vụ khác.
2. Chi cho cán bộ, viên chức, người lao động của QHTND:
 - Chi phụ cấp cho cán bộ thuộc biên chế của cơ quan Hội Nông dân tỉnh được phân công trực tiếp quản lý, điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân. Mức chi tối đa không quá 0,8 lần lương theo ngạch bậc của cán bộ Hội được phân công quản lý, điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân (*Mức chi phụ cấp cụ thể hàng tháng do Ban điều hành HTND cân đối kinh phí tham mưu với Thường trực Hội Nông dân tỉnh quyết định chi cho cán bộ phụ trách*).
 - Chi phụ cấp cho cán bộ tham gia chỉ đạo, quản lý và cán bộ Ban kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân (*Mức chi phụ cấp cụ thể hàng tháng do Ban điều hành HTND cân đối kinh phí tham mưu với Thường trực Hội Nông dân tỉnh quyết định chi cho cán bộ phụ trách*).
 - + Chi hỗ trợ tiền điện thoại di động cho cán bộ làm công tác trực tiếp tại Quỹ HTND theo quy định. Mức chi cụ thể sau:



+ Thường trực phụ trách Quỹ; Trưởng ban Điều hành QHTND tính 200.000đồng/tháng.

+ Phó Trưởng ban Điều hành QHTND tính 100.000đồng/tháng.

Trường hợp Trưởng ban, phó Trưởng ban QHTND do lãnh đạo Hội Nông dân kiêm nhiệm, đã được hỗ trợ tiền điện thoại theo chế độ quy định, thì không hưởng tiền hỗ trợ từ nguồn QHTND

3. Chi phí quản lý và công vụ:

- Chi trả lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho nhân viên hợp đồng của QHTND (không hưởng lương ngân sách);

- Phụ cấp công tác phí trong và ngoài tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày. Cán bộ, công chức ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú không quá 250.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên đảo, những ngày đi, về trên biển).

- Nếu đi công tác tập thể, lãnh đạo cơ quan chủ trì bố trí phương tiện đi chung, thì cán bộ được phân công sẽ đi chung tập thể, không đi riêng. Trường hợp trong chuyến công tác đó, cần phải làm việc nhiều nội dung ở nhiều nơi ngoài nội dung chuyến công tác của đoàn, thì bố trí phương tiện riêng.

- Đối với các cán bộ, công chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi được cử đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên mà tự túc phương tiện cá nhân thì được thanh toán khoán 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính (số km thực tế từ cơ quan đến nơi công tác, tính 1 chuyến) và giá xăng tại thời điểm đi công tác.

- Căn cứ để thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác gồm công lệnh của người đi công tác có xác nhận của cơ quan nơi đến công tác (hoặc của khách sạn, nhà khách); bảng kê quãng đường đi công tác trình thủ trưởng đơn vị, duyệt thanh toán và được quy định trong Quy chế này.

- Nếu không áp dụng mức khoán thì tính theo giá cước hiện hành (phải có hóa đơn, phiếu vé các dịch vụ công cộng).

- Cán bộ, công chức được đơn vị cử đi công tác được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo một trong hai hình thức sau:

+ Thanh toán theo hình thức khoán: Công tác ở các thành phố trực thuộc Trung ương (Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng) và đô thị loại I trực thuộc tỉnh, mức khoán là 350.000 đồng/ngày/người. Công tác ngoài tỉnh đối với các vùng còn lại, mức khoán là 250.000 đồng/ngày/người. Công tác trong tỉnh mức khoán là 200.000 đồng/ngày/người.

+ Thanh toán theo hóa đơn thực tế: Mức thanh toán thuê phòng nghỉ ngoài tỉnh tại các thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng; thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh được thanh toán không quá 900.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng; các vùng còn lại được thanh toán mức giá thuê phòng nghỉ không quá 600.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng. Trường hợp đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ hoặc



người lẻ là người khác giới thì được thuê phòng riêng, nhưng tối đa không quá 600.000 đồng/ngày/phòng (có hóa đơn hợp pháp).

+ Hình thức thanh toán: giấy đề nghị kèm theo các hoá đơn, phiếu, các chứng từ khác có liên quan.

- Chi mua sắm vật tư, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, tài liệu, sách báo và các vật liệu khác;

- Chi phí dịch vụ thanh toán;

- Chi khấu hao tài sản cố định theo quy định đối với doanh nghiệp; chi mua bảo hiểm tài sản; chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản; chi mua sắm công cụ lao động (đối với tài sản thuộc quyền quản lý của QHTND);

- Chi cước phí bưu điện, điện thoại;

- Chi thuê tài sản, thiết bị phục vụ hoạt động QHTND;

- Chi hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo cán bộ QHTND theo quy định của Nhà nước đối với cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. QHTND được chi tiền ăn, tiền thuê chỗ nghỉ, tiền phương tiện đi lại cho đại biểu tham dự theo chế độ Nhà nước quy định;

- Chi phí tuyên truyền, in ấn tài liệu, giao dịch;

- Chi đối ngoại, tiếp khách định mức chi theo quy định. Trường ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân xin ý kiến Thường trực Hội Nông dân tỉnh phụ trách Quỹ HTND quyết định việc tiếp khách;

- Chi cho công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán đối với hoạt động QHTND;

- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ quá hạn;

- Chi hỗ trợ cho các hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể của QHTND;

- Chi hỗ trợ cho hoạt động của Hội Nông dân tỉnh và phong trào Hội Nông dân các cấp, mức chi hàng năm không vượt quá 10% tổng thu nhập của QHTND (nếu có);

- Chi nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật (nếu có);

- Các khoản chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 11. Phân phối chênh lệch thu - chi

- Chênh lệch thu chi của QHTND được xác định là tổng số thu nhập, trừ đi tổng số chi phí trong năm.

- Chênh lệch thu, chi hàng năm được phân phối như sau:

+ Trích 20% bổ sung Quỹ đầu tư phát triển.

+ Trích lập 02 Quỹ: Quỹ phúc lợi và Quỹ khen thưởng tối đa bằng 03 tháng lương thực hiện trong năm của QHTND.

+ Toàn bộ chênh lệch thu, chi còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ phúc lợi, Quỹ khen thưởng nếu còn được bổ sung vào nguồn vốn hoạt động.

Điều 12. Mục đích sử dụng các Quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để đầu tư mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của QHTND.

- Quỹ khen thưởng được sử dụng để:

+ Thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho cá nhân, tập thể của QHTND có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả cao.

+ Thưởng cho tập thể, cá nhân trong và ngoài QHTND tham gia đóng góp hiệu quả vào hoạt động của QHTND.

- Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Cà Mau hướng dẫn định mức chi khen thưởng cho từng đối tượng để QHTND các cấp thực hiện.

- Quỹ phúc lợi được sử dụng chỉ cho các hoạt động thể thao, văn hoá, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, viên chức của QHTND; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, viên chức của QHTND. Trưởng ban QHTND phối hợp với Công đoàn cơ quan quản lý và sử dụng QHTND này.

Chương III

XỬ LÝ CÁC PHÁT SINH TRONG HOẠT ĐỘNG QHTND

Điều 13. Đối với trường hợp sử dụng vốn sai mục đích

Đối với trường hợp sử dụng vốn sai mục đích, kém hiệu quả do nguyên nhân chủ quan thì phải thu hồi ngay, nếu chưa trả được nợ thì chuyển sang nợ quá hạn và có biện pháp tích cực, cương quyết để thu hồi.

Điều 14. Đối với trường hợp các khoản nợ do nguyên nhân khách quan

- Gia hạn nợ được áp dụng đối với những hộ vay vốn ngắn hạn nhưng chưa trả được nợ vay đúng thời hạn.

- Chuyển nợ quá hạn được áp dụng khi đã hết thời hạn gia hạn nợ nhưng hộ vay chưa trả nợ. Mức thu phí cho vay trong trường hợp này bằng 130% (0,91%/tháng) phí trong hạn.

- Trường hợp rủi ro do các nguyên nhân bất khả kháng có thể xem xét, giảm, miễn phí, khoan nợ hoặc xoá nợ. Đối với nguồn vốn do QHTND tỉnh quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh sẽ ra quyết định xử lý rủi ro theo từng trường hợp khi hồ sơ có đầy đủ tính pháp lý.

huu

Chương IV

CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Chế độ trách nhiệm

1. Trưởng Ban Điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân, có quyền hạn và trách nhiệm: Là người đại diện trong các hoạt động của Quỹ, là chủ tài khoản của Ban điều hành Quỹ chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, cơ quan quản lý Nhà nước về tài chính cùng cấp và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân. *(Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính báo cáo Bộ Tài chính, cơ quan tài chính địa phương và Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh).*

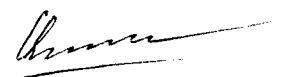
2. Phó Trưởng Ban Điều hành kiêm kế toán Quỹ hỗ trợ nông dân có quyền hạn và trách nhiệm: tham mưu xây dựng văn bản liên quan đến hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân; được ban hành các văn bản về hoạt động của Quỹ và văn bản hướng dẫn nghiệp vụ; báo cáo tài chính với Trưởng ban với Ban Thường vụ, Thường trực, Trung ương Hội đúng quy định. Mở sổ kế toán thực hiện nghiệp vụ kế toán, báo cáo, quyết toán Quỹ theo hướng dẫn của Trung ương Hội và Sở Tài chính tỉnh, thường xuyên cập nhật số liệu chính xác về quỹ để báo cáo lãnh đạo. Theo dõi nguồn vốn; hoa hồng ủy thác từ Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp. *(Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính báo cáo Bộ Tài chính, cơ quan tài chính địa phương và Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh).*

3. Cán bộ nghiệp vụ: Hướng dẫn các huyện, thành phố xây dựng dự án, thẩm định dự án, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn; Tham mưu tổ chức, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác quản lý, điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân; Năm hiệu quả của từng dự án; theo dõi các dự án mô hình và Tổ Hợp tác có hiệu quả để phát huy nhân rộng; Xây dựng công văn, báo cáo liên quan đến hoạt động Quỹ hỗ trợ nông dân theo sự phân công của lãnh đạo ban.

Thực hiện một số phần việc như: Lập thủ tục giải ngân dự án; theo dõi các dự án để đôn đốc thu hồi nợ đúng quy định, trước khi dự án đến hạn phải có thông báo; lưu trữ các văn bản đi, đến của Quỹ HTND; mở sổ theo dõi cho số công lệnh khi đi công tác; Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Trưởng ban, Thường trực Hội Nông dân tỉnh phụ trách phân công.

4. Thủ quỹ

Có trách nhiệm quản lý tiền của Quỹ HTND, được phép chi khi chứng từ có đầy đủ chữ ký kế toán và lãnh đạo quản lý Quỹ, không được tự ý lấy tiền quỹ cho



tạm ứng, tạm mượn khi chưa có sự đồng ý của Lãnh đạo Ban. Nguồn Quỹ HTND quản lý trên tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng (không giữ tiền mặt trên 20 triệu đồng). Phối hợp kế toán để báo cáo tài chính Quỹ HTND hàng tháng, quý, năm.

Điều 16. Chỉ đạo và quản lý QHTND

- QHTND tỉnh chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp và thống nhất của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

- Kiểm tra, kiểm soát QHTND thực hiện theo Quy định số 573-QĐ/HNDTW, ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và quyết định của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

Điều 17. Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Văn phòng, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Căn cứ Quy chế này, Ban Điều hành QHTND cấp huyện xây dựng Quy chế quản lý tài chính cụ thể của đơn vị.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định.

Quy chế này thực hiện kể từ ngày 01/01/2020 đến hết năm 2020./.

